

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DS-ST  
Ngày 24 tháng 02 năm 2022  
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự  
vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P- TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Quách Đình Hoàng

2. Ông Lương Văn Kiên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 248/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H (H1). Địa chỉ: 26B H V, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Văn T. (Văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 10 năm 2021). Địa chỉ: 142 L T T, phường I K, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

*2. Bị đơn:* Bà Phạm Thị Thúy H. Địa chỉ: 220 N V C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 04-10-2021, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H do ông Mai Văn T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H (H1) có quan hệ quen biết và làm ăn với Phạm Thị Thúy H. Do cần tiền đầu tư làm ăn nên bà H có vay của bà H1 số tiền 365.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng) vào ngày 01-12-2019 âm lịch tức ngày 26-12-2019 dương lịch, khi vay tiền bà H có viết cho bà H1 một giấy mượn tiền, lãi suất

hai bên thỏa thuận là 20%/năm tương đương với 1,67%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng. Sau khi vay tiền bà H có trả cho bà H1 được 11 tháng tiền lãi. Khi đến hạn trả gốc bà H không trả cho bà H1 mặc dù bà H1 đã đòi nhiều lần.

Bà Nguyễn Thị H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Thúy H trả số tiền nợ gốc là 365.000.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi lăm triệu đồng*) và tiền lãi, cụ thể lãi vay trong hạn từ ngày 26-12-2019 đến ngày 26-10-2020 trên số nợ gốc 365.000.000 đồng, bà H đã trả được 11 tháng còn 01 tháng chưa trả, theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên là 6.095.500 đồng và lãi quá hạn chưa trả từ ngày 27-12-2020 đến khi Tòa án xét xử xong vụ án trên nợ gốc theo mức lãi suất 30%/năm. Sau khi bà làm đơn khởi kiện thì bà H có trả cho bà được 20.000.000 đồng tiền lãi.

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần nội dung khởi kiện, nguyên đơn chỉ yêu cầu bà Phạm Thị Thúy H trả cho bà số tiền 365.000.000 đồng nợ gốc và yêu cầu tính lãi của số tiền nợ gốc từ ngày 27-11-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất là 10%/năm tương đương với 0,83%/tháng sau khi đã trừ khoản tiền lãi bà H đã trả nguyên đơn là 20.000.000 đồng.

Đối với ý kiến của bà Phạm Thị Thúy H cho rằng bà H trả lãi cho bà H1 với mức lãi suất 3%/tháng và đã trả lãi cho bà đến 05-10-2021 là không đúng vì bà H không đưa ra được chứng cứ chứng minh, bà không đồng ý cho bà H không trả tiền lãi và trả dần số nợ gốc trong thời hạn 5 năm.

*Tại đơn trình bày ngày 21-11-2021 bị đơn bà Phạm Thị Thúy H trình bày:* Bà thừa nhận vào ngày 01-12-2019 âm lịch tức ngày 26-12-2019 dương lịch bà có viết giấy mượn của bà Nguyễn Thị Hằng số tiền 365.000.000 đồng, lãi suất bà phải trả cho bà H1 là 3%/tháng, bà đã trả lãi cho bà H1 đến 05-10-2021. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H1 yêu cầu bà trả lãi của số nợ gốc bà không đồng ý vì đã trả lãi cho bà H1 đến ngày 05-10-2021, do kinh tế của bà đang gặp khó khăn nên bà xin được trả dần số nợ gốc 365.000.000 đồng cho bà H1 trong thời gian 5 năm và sẽ thanh toán đầy đủ cho bà H1 số tiền lãi từ tháng 10 năm 2021, về số lãi bà đã trả cho bà H1 vượt quá theo quy định của pháp luật thì yêu cầu trừ vào số tiền nợ gốc.

*Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; về tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Đảm bảo theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án và hướng giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trình bày của đương sự tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị H1 khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bà Phạm Thị Thúy H.

Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H1 được làm theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Tòa án thụ lý, xem xét. Bà Phạm Thị Thúy H cư trú tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Bị đơn bà Phạm Thị Thúy H không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là giấy mượn tiền được bị đơn thừa nhận nên đúng sự thật. Bị đơn thừa nhận nghĩa vụ nên có căn cứ xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn 365.000.000 đồng nợ gốc.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 01-12-2019 âm lịch tức ngày 26-12-2019, bà Nguyễn Thị H1 cho bà Phạm Thị Thúy H1 vay số tiền 365.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,67%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng. Sau khi vay tiền bà H trả cho bà H1 được 11 tháng tiền lãi, số tiền gốc và lãi còn lại bà H không trả cho bà H1 mặc dù bà đã đòi nhiều lần. Bà H1 khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền gốc 365.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận (lãi trong hạn và lãi quá hạn).

Xét, giao dịch vay tiền giữa người cho vay là bà Nguyễn Thị H1 với bên vay là bà Phạm Thị Thúy H là giao dịch dân sự được giao kết trên cơ sở tự nguyện giữa các bên và phù hợp với các quy định của pháp luật, nên có hiệu lực và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Đến nay bên vay tiền (bà Phạm Thị Thúy H) không trả tiền cho bà Nguyễn Thị H1 (bên cho vay), mặc dù bà H1 đã đòi nợ và khởi kiện đến Tòa án, là trái với quy định pháp luật việc bị đơn xin trả nợ dần trong thời hạn 5 năm không được nguyên đơn đồng ý. Do đó, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho bà H1, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H1 và buộc bà H phải trả cho bà H1 khoản tiền nợ gốc là 365.000.000 đồng.

*Về lãi suất:* Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần nội dung khởi kiện, nguyên đơn chỉ yêu cầu bà Phạm Thị Thúy H trả cho bà số tiền 365.000.000 đồng nợ gốc và yêu cầu tính lãi của số tiền nợ gốc từ ngày 27-11-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất là 10%/năm tương đương với 0,83%/tháng sau khi đã trừ khoản tiền lãi bà H đã trả nguyên đơn là 20.000.000 đồng.

Xét yêu cầu thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng yêu cầu này không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại

Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn cho rằng lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng và bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền lãi đến ngày 05-10-2021 nhưng lại không có chứng cứ chứng minh. Nguyên đơn không thừa nhận lãi suất hai bên thỏa thuận như bị đơn khai, chỉ thừa nhận lãi suất thỏa thuận giữa hai bên là 1,67%/tháng và bị đơn trả lãi cho nguyên đơn được 11 tháng tiền lãi, sau khi khởi kiện bị đơn trả cho nguyên đơn được 20.000.000 đồng tiền lãi, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc đã trả lãi cho nguyên đơn với lãi suất 3%/tháng và đã trả lãi đến ngày 05-10-2021 như bị đơn trình bày, chỉ có cơ sở xác định bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền lãi như thừa nhận của nguyên đơn.

Xét tại giấy mượn tiền ngày 01-12-2019 (Âm lịch) thể hiện “lãi suất hai bên thỏa thuận” như vậy các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về nợ lãi là phù hợp với quy định pháp luật đã viện dẫn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền nợ gốc để tính lãi là 365.000.000 đồng; thời gian tính lãi từ ngày 27-11-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 24-02-2022 là 1 năm 2 tháng 27 ngày; mức lãi suất áp dụng mức là 10%/năm (0,83%/tháng); Tiền nợ lãi được tính là: 365.000.000 đồng x 10%/năm x 1 năm 2 tháng 27 ngày = 45.260.000 đồng. Số tiền lãi bà H đã trả cho bà H1 là 20.000.000 đồng, như vậy số tiền lãi bà H còn phải trả cho nguyên đơn là 45.260.000 đồng – 20.000.000 đồng = 25.260.000 đồng. Tổng cộng tiền nợ gốc và nợ lãi mà bà H phải trả cho bà H1 là: 365.000.000 đồng + 25.260.000 đồng = 390.260.000 đồng

[5] Xét ý kiến của Đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 5, Điều 26, 35, 39, 70, 72, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 232, Điều 234, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

*Áp dụng các Điều 274, 275, 280, 463, 465, 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;*

*Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H1 về việc buộc bà Phạm Thị Thúy H trả nợ vay.

**Buộc bà Phạm Thị Thúy H phải trả cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền 390.260.000 đồng, trong nợ gốc là 365.000.000 đồng và nợ lãi là 25.260.000 đồng (Nợ lãi tính từ ngày 27-11-2020 đến ngày 24-02-2022 ).**

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

### 3. Về án phí:

Bà Phạm Thị Thúy H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 19.513.000 đồng (*Mười chín triệu năm trăm mười ba nghìn đồng*).

Bà Nguyễn Thị H1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.600.000 đồng (*Mười một triệu sáu trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000818 ngày 05-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

### Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Hồng Thắm**

